

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Số: 1755 /TVĐ4-P7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

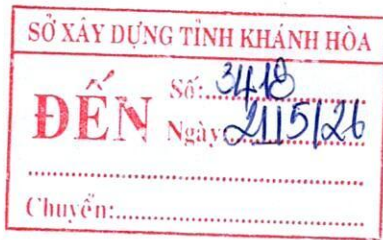
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2026

Mẫu 01: Công bố thông tin năng lực tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:



- Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 – Phòng Thí nghiệm Xây dựng

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 4200385474 cấp: ngày 01 tháng 08 năm 2007 cơ quan cấp: Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 28 tháng 08 năm 2025.

- Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám - Phường Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: (0258) 3563999 Email: tv4@pecc4.vn

2. Thông tin Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Phòng Thí nghiệm Xây dựng – LAS XD 31.001

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Tổ 4 - Võ Đông - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: (0258) 3563607

- Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
	Độ mịn và khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03; ASTM C204, C188, C184, C786.	Cân 0,01g. Tủ sấy. Sàng 0,08. Bình khối lượng riêng.	Ngô Đức Quốc Huy, Đào Văn Thời.	

	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348, C349.	Máy thử độ bền nén uốn.	Ngô Đức Quốc Huy, Đào Văn Thời.	
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 4031:85; TCVN 8875:12; ASTM C187, C191, C266, C451, C807.	Kim Vica. Khuôn Lơ Sator lie. Cân 0,01g.	Ngô Đức Quốc Huy, Đào Văn Thời.	
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG & BÊ TÔNG NẶNG				
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143.	Côn thử độ sụt	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:22; ASTM C1170.	Vebe	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; ASTM C138.	Thùng 5, 15l. Cân 0,01g	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22; ASTM C232.	Khuôn thép. Cân kỹ thuật.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:22; ASTM C138, C173, C231, C233.	Bình bọt khí.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22; ASTM C462.	Bình khối lượng riêng. Cân 0,01g.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22; ASTM C462.	Cân 5g.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:22; ASTM C418	Máy mài mòn. Cân 0,01g.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:22; ASTM C138; C642.	Cân 50g. Tủ sấy.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:22; EN 12390-8.	Máy thử độ chống thấm. Tủ sấy.	Ngô Đức Quốc Huy, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; ASTM C39, C42, C1231.	Máy thử nén.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22; ASTM C78, C293.	Máy thử uốn.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:22; TCVN 8862:11; ASTM C496.	Máy thử uốn.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
	Thử kéo trực tiếp bê tông mẫu trụ	CRD 164:92.	Máy thử kéo.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22; ASTM C469.	Máy thử nén và thiết bị đo chuyển vị.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403, C1117.	Thiết bị xuyên.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:12; ASTM C1064.	Nhiệt kế bê tông.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
3	THỬ CỐT LIỆU BÊ				

	TỔNG & VỮA				
	Thành phần cỡ hạt; Xác định thành phần thạch học; XĐ khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn hút nước; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; XĐ HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ ; Xác định tạp chất hữu cơ ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc ; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles) ; XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn ; Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic ; Xác định hàm lượng clorua ; Xác định hàm lượng sunfat & sunfit ; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa ; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ ; Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình; Xác định hàm lượng mica;	TCVN 7572-1÷20:2006; TCVN 7572-21:2018; TCVN 7572-22:2018; ASTM C136M; TCVN 8735:12; TCVN 10322:14; 22TCN 318:04; TCVN 10321:14.	Cân 0,01g. Cân 50g. Bộ sàng tiêu chuẩn. Tủ sấy. Máy nén thủy lực. Xi lanh bằng thép f75, f150. Máy Losangeles. Lò nung và các dụng cụ khác.	Phạm Bá Chánh, Phạm Hồng Công.	
	Xác định khối lượng thể tích chặt	ASTM C29/C29M	Cân kỹ thuật.	Phạm Bá Chánh, Phạm Hồng Công.	
	Xác định Mô đun đàn hồi & hệ số nở ngang	TCVN 9843:2013; ASTM C88	Máy thử nén và đồng hồ đo chuyển vị.	Phạm Bá Chánh, Phạm Hồng Công.	
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ, ĐÁ TRONG PHÒNG				
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854	Cân 0,01g. Bình tỷ trọng.	Phạm Bá chánh, Đỗ Hữu Minh Trí.	
	Xác định độ ẩm & độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216	Cân 0,01g. Tủ sấy.	Phạm Bá chánh, Đỗ Hữu Minh Trí.	
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318	Cân 0,01g. Tủ sấy. Dụng cụ Casagrande.	Phạm Bá Chánh, Phạm Hồng Công.	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM D421; ASTM	Cân 0,01g. Bộ sàng tiêu chuẩn.	Phạm Bá Chánh, Phạm Ngọc Đăng Huy.	

		D422			
Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080	Máy cắt phẳng	Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435	Máy nén đất.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí		
Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; ASTM D698; ASTM D1577	Cối đầm. Cân 0,01g.	Bùi Long Tánh, Ngô Đức Quốc Huy.		
Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D7263	Cân (0,01 và 0,1g).	Bùi Long Tánh, Ngô Đức Quốc Huy.		
Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng TN	22TCN 332:06; TCVN 12792:2020; ASTM D1883	Thiết bị xác định CBR.	Bùi Long Tánh, Ngô Đức Quốc Huy.		
Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU,CU,CD,CV)	TCVN 8868: 2011; ASTM D2850; ASTM D4767; BS1377	Máy nén 3 trục.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438: 2012; ASTM D2166	Máy nén 1 trục.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TCVN 8725:2012	Thiết bị cắt cánh	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.		
Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Bộ dụng cụ xác định tan rã.	Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4829	Bộ dụng cụ xác định trương nở.	Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D247	Bộ dụng cụ xác định co ngót.	Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Xác định tính lún ướt	TCVN 8722:2012	Máy nén 1 trục	Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434	Bộ dụng cụ xác định thấm.	Phạm Bá Chánh, Đào Văn Thời.		
Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí.		
Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; AASHTO T267	Tủ sấy, cân kỹ thuật (0,1g; 0,01g và 0,001g) và dụng cụ khác.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí.		
Xác định thành phần & hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8727:2012	Cân kỹ thuật 0,1g; 0,01g; 0,001g.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí.		
Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật 0,01g.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí.		
Xác định khối lượng thể tích của đá	TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật 0,01g.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí.		
Xác định khối lượng riêng của đá	TCVN 8735:2012	Cân kỹ thuật 0,01g.	Ngô Đức Quốc Huy, Đỗ Hữu Minh Trí.		
Xác định độ bền nén một trục của đá	TCVN 10324:2014; ASTM D2938	Máy nén thủy lực.	Bùi Long Tánh, Phạm Hồng Công.		
Xác định cường độ kháng kéo của đá	ASTM D3967	Máy nén, kéo thủy lực.	Bùi Long Tánh, Phạm Hồng Công.		
Xác định Mô đun đàn	ASTM D3148	Máy nén kéo. Bộ	Bùi Long Tánh,		

	hồi của đá		thiết bị đo biến dạng.	Phạm Hồng Công.	
	Xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014	Máy nén thủy lực.	Bùi Long Tánh, Phạm Hồng Công.	
	Phân tích thạch học bằng phương pháp soi kính lát mỏng để xác định tên đá	TCVN 8734 :2012	Kính hiển vi phân cực.	Dương Ngọc Bảo, Đào Văn Thời.	
5	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
	Xác định độ ẩm của đất	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật	Bùi Long Tánh, Phạm Hồng Công.	
	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729:2012; ASTM D1556; ASTM D2937	Cân kỹ thuật	Bùi Long Tánh, Phạm Hồng Công.	
	Xác định độ chặt của đất sau đầm nén	TCVN 8730:2012	Cân kỹ thuật	Lê Trần Quang Hòa, Phạm Ngọc Đăng Huy	
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m.	Lê Trần Quang Hòa, Phạm Ngọc Đăng Huy	
	Xác định mô đun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Phạm Ngọc Đăng Huy	
	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Bộ thiết bị cần Benkelman	Lê Trần Quang Hòa, Phạm Ngọc Đăng Huy	
	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; ASTM D3441	Bộ thí nghiệm xuyên.	Bùi Long Tánh, Phạm Ngọc Đăng Huy.	
	Thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846: 2013	Bộ thí nghiệm xuyên.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429	Bộ thiết bị TN CBR.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Xác định sức chịu tải của đất nền	ASTM D1194:94	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Xác định sức chống cắt của đất tại hiện trường (Theo II 01-73); Xác định sức chống cắt của tiếp xúc bê tông – nền đá	JGS 3511-2004	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Xác định cường độ kháng cắt trực tiếp của đá	ASTM D4554	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Xác định mô đun biến dạng nền đá	ASTM D4394 ; ASTM D4395	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	PP thử không phá hủy: Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012	Thiết bị siêu âm bê tông.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	

	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	TCVN 10184:2021; ASTM D2753	Bộ thiết bị cắt cánh.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Xác định mô đun biến dạng của đất bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	PP thử nghiệm cọc bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	PP thử nghiệm cọc bằng tải trọng tĩnh kéo dọc trục	ASTM D3689	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	PP thử nghiệm cọc bằng tải trọng tĩnh kéo ngang	ASTM D3966	Kích thủy lực và đồng hồ đo biến dạng.	Lê Trần Quang Hòa, Bùi Long Tánh.	
	Đo điện trở đất	TCXDVN 161:1987; TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện trở.	Lưu Khải Hoàn, Trần Ngọc Phú.	
	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012	Máy toàn đạc điện tử	Nguyễn Đình Kiên, Nguyễn Ngọc Luyến.	
	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012	Máy toàn đạc điện tử	Nguyễn Đình Kiên, Nguyễn Ngọc Luyến.	
	Xác định dịch chuyển ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012	Máy toàn đạc điện tử	Nguyễn Đình Kiên, Nguyễn Ngọc Luyến.	
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	Máy khoan XY	Lưu Khải Hoàn, Trần Ngọc Phú.	
	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hố khoan	TCVN 9149:2012	Bộ dụng cụ ép nước hố khoan + Đồng hồ đo nước.	Lưu Khải Hoàn, Trần Ngọc Phú.	
	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012	Đồng hồ đo nước.	Lưu Khải Hoàn, Trần Ngọc Phú.	
6	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất ; Xác định độ lưu động của vữa tươi ; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi ; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn ; Xác định cường độ uốn & nén của vữa đã đông rắn ; Xác định độ hút nước của vữa đông rắn	TCVN 3121: 03; EN 1015-1; ASTM C230, C1437; EN 445, EN 1015-6; ASTM C109; C348, C349, C492; ASTM C1403	Bộ sàng tiêu chuẩn. Cân kỹ thuật. Máy nén thủy lực và thiết bị khác.	Dương Ngọc Bảo, Phạm Bá Chánh.	
7	PHÂN TÍCH PHỤ GIA KHOÁNG				
	Hàm lượng mất khi	TCVN 8825:11;	Tủ sấy; Lò nung;	Phạm Bá Chánh;	

	nung; Độ ẩm; xác định hàm lượng SiO_2 ; Fe_2O_3 ; Al_2O_3 ; MgO , CaO , SiO_3 ; Xác định hàm lượng hạt trên sàng 0,045mm; Xác định hoạt tính bền.	TCVN 8827:11	Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy nén thủy lực.	Ngô Đức Quốc Huy.	
8	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG				
	Xác định độ pH	TCVN 6492:11	Thiết bị đo PH	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Xác định hàm lượng sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996	Cân kỹ thuật, ống đong; hóa chất.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	Cân kỹ thuật, ống đong; hóa chất.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Xác định hàm lượng Natri ; Kali ; Canxi ; Magiê; Cacbonic (CO_2 tự do và ăn mòn); Độ cứng cacbonat; Độ cứng toàn phần; Độ cứng không Cacbonat; Độ kiềm (HCO_3^-); Độ Oxy hóa; Hydro Sunfua và các Sunfua ; Nitrit, Nitrat ; Amoniac và Amoni, màu sắc, mùi vị	TCXD 81 : 81	Cân kỹ thuật, ống đong; hóa chất.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Độ hạt và hàm lượng chất lơ lửng	94TCN 13:96	Cân kỹ thuật, ống đong; hóa chất.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Xác định hàm lượng cặn không tan ; Hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4506:2012	Cân kỹ thuật, ống đong; hóa chất.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 2671:78	Cân kỹ thuật, ống đong; hóa chất.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
9	KIM LOẠI & MỐI HÀN				
	Vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 197:2014; ASTM A370	Máy nén, kéo thủy lực.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370	Máy nén, kéo thủy lực.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Mối hàn - PP thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM A370	Máy nén, kéo thủy lực.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Thử phá hủy mối hàn trên VL kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010; ASTM A370	Máy nén, kéo thủy lực.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Thử phá hủy mối hàn trên VL kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010; ASTM A370	Máy nén, kéo thủy lực.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95;	Máy nén, kéo	Lê Trung Nghĩa;	

		TCVN 256:85; ASTM A370	thủy lực.	Lê Trần Quang Hòa.	
	Thử nghiệm bu lông và vòng đệm	ASTM F606M	Máy nén, kéo thủy lực.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng siêu âm	TCVN 6735:2018; ASTM E164	Máy siêu âm mối hàn.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
	Thử siêu âm mối hàn ống thép hàn phát hiện khuyết tật	TCVN 6116:96	Máy siêu âm mối hàn.	Lê Trung Nghĩa; Lê Trần Quang Hòa.	
10	THỬ NGHIỆM GẠCH, SẢN PHẨM BÊ TÔNG, ĐÁ				
	Gạch đặc đất sét nung	TCVN 1451-1998	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch rỗng đất sét nung	TCVN 1450-2009	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch xây	TCVN 6355-2009	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476-1999	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch Block Bê tông	TCVN 6477-2016	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030-2017	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch bê tông khí chưng áp	TCVN 7959-2017	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch Terrazo	TCVN 7744-2013	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Gạch ốp lát	TCVN 6415-2016	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Đá ốp lát tự nhiên (trừ mài mòn sâu)	TCVN 4732-2016	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	
	Đá ốp lát nhân tạo (trừ mài mòn sâu)	TCVN 8057-2009	Máy nén thủy lực; Cân kỹ thuật và thiết bị khác.	Phạm Bá Chánh; Ngô Đức Quốc Huy.	

Ghi chú: Phòng thí nghiệm sẽ bố trí nhân lực phù hợp để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.

3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): Không có.

4. Thông tin về Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường

TT	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	CÂN KỸ THUẬT			
	Cân kỹ thuật SJ-6200CE Vibra (6kg, d=0,01)	Nhật	Giấy hiệu chuẩn	Phòng Thí nghiệm
	Cân kỹ thuật UCA-M (15kg, 0,5g)	Đài Loan	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Cân kỹ thuật DS302 (300g, 0,01g)	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Cân kỹ thuật WT5003CHJ (500g, 0,001g)	Đài Loan	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Cân kỹ thuật MT-6002 (6000g, 0,5g)	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Cân kỹ thuật HAW-15 (15kg, 10g)	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Cân bàn A12E 150kg, 0,4kg)	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
II	THIẾT BỊ TN TRONG PHÒNG			
	Máy nén 1 trục	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	Phòng Thí nghiệm
	Máy cắt phẳng (1 chỗ & 4 chỗ)	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy nén 3 trục	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Đồng hồ so	Trung Quốc và Nhật Bản	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy nén Ele 150 tấn+Bộ phận thử uốn E172-01	Anh		-nt-
	Máy nén bê tông TYA-2000KN	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Bộ thí nghiệm xác định modul đàn hồi	Italia		-nt-
	Thiết bị đo PH cầm tay	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Tỷ trọng kế	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Thuốc cặp	Nhật	Giấy hiệu chuẩn	
	Máy thử vụn năng của vật liệu 60 tấn	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy siêu âm bê tông	Anh		-nt-
	Kính hiển vi	Nhật		-nt-
	Máy thử độ chống thấm bê tông	Trung Quốc		-nt-
	Tủ sấy	Trung Quốc & Nhật	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy sàng lớn	Nhật		-nt-

	Máy mài Los Angeles	Nhật		-nt-
	Máy đo độ ẩm hồng ngoại	Nhật		-nt-
	Bộ sàng đất tiêu chuẩn	Trung Quốc & Mỹ		-nt-
	Bộ sàng cát tiêu chuẩn	Trung Quốc & Mỹ		-nt-
	Dụng cụ thăm Nam Kinh	Trung Quốc		-nt-
	Dụng cụ xác định độ trương nở	Trung Quốc		-nt-
	Dụng cụ xác định góc nghỉ khô, ướt của cát	Trung Quốc		-nt-
	Máy khoan đá lấy nồn	Hàn Quốc		-nt-
	Máy nghiền lác	Trung Quốc		-nt-
	Máy nghiền hàm	Trung Quốc		-nt-
	Máy trộn vữa xi măng	Trung Quốc		-nt-
	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	Trung Quốc		-nt-
	Máy bơm chân không	Trung Quốc		-nt-
	Máy cắt mẫu thạch học	Việt Nam		-nt-
	Máy mài đĩa ngang	Việt Nam		-nt-
	Bàn rung tạo mẫu ZT-1x1	Trung Quốc		-nt-
	Bình đo bọt khí C195+Cylinder	Italia		-nt-
	Dụng cụ đo độ xuyên bê tông C213	Italia		-nt-
	Máy trộn bê tông cưỡng bức	Trung Quốc		-nt-
	Gá thử nén chẻ bê tông	Italia		-nt-
III	THIẾT BỊ HIỆN TRƯỜNG			
	Máy xuyên tĩnh Geomil 100KN-TW	Hà Lan	Giấy hiệu chuẩn	Phòng Thí nghiệm
	Bộ xác định khả năng chịu tải	Italia		-nt-
	Bộ CBR hiện trường	Italia	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Bộ cân bekelman	Italia	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Bộ rót cát Matest	Italia		-nt-
	Bộ dao dai hiện trường	Việt Nam		-nt-
	Thước 3 mét	Trung Quốc		-nt-
	Thiết bị cắt cánh hiện trường	Nauy		-nt-
	Bộ bơm kích thủy lực rỗng tâm RCH 306 (30 tấn; 155mm)	Enerpac - Mỹ	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Kích thủy lực 1 chiều BRP 106L (10 tấn, 150mm)	Enerpac - Mỹ	Giấy hiệu chuẩn	-nt-

	Kích thủy lực HHYG 200150 (300 TẤN, 150 mm)	Đài Loan		-nt-
	Kích thủy lực HHYG 200150 (200 TẤN, 150 mm)	Đài Loan	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy đục phá GSH 16-30	Đức		-nt-
	Máy cắt mài góc cầm tay GW 8-125C	Đức		-nt-
	Máy đục cầm tay GSH 5X	Đức		-nt-
	Máy cắt bê tông cầm tay Makita EK 7651H	Nhật Bản		-nt-
	Đồng hồ đo biến dạng	Nhật Bản	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Đồng hồ đo áp suất điện tử	Đài Loan	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy bơm thủy lực HHB- 630M	Đài Loan		-nt-
	Máy thủy chuẩn điện tử: LEICA model DNA03	Thụy Sĩ	Giấy hiệu chuẩn	38 Lê Thành Phương, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa
	Máy toàn đạc điện tử: LEICA TM50 0,5"	Thụy Sĩ	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy toàn đạc điện tử: LEICATC2003	Thụy Sĩ	Giấy hiệu chuẩn	-nt-
	Máy khoan XY-1A-4 BKTQ	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	Phòng Thí nghiệm
	Bộ dụng cụ ép nước hồ khoan + Đồng hồ đo nước Komax	Trung Quốc	Giấy hiệu chuẩn	Phòng Thí nghiệm

5. Thông tin năng lực của Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Mai Thị Thanh Hòa	036179017718	- Thạc sĩ Địa chất; - Chứng chỉ Quản lý phòng thí nghiệm; - Chứng chỉ thí nghiệm viên Đất đá xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm Nước ăn mòn bê tông.	
2	Lê Trần Quang Hòa	056079010082	- Đại học Địa chất; - Chứng chỉ Quản lý phòng thí nghiệm; - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định	

			tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường; - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy; - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	
3	Dương Ngọc Bảo	049075019038	- Đại học Địa chất; - Chứng chỉ Quản lý phòng thí nghiệm; - Chứng chỉ thí nghiệm Đất đá xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm Bê tông và vật liệu XD - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy.	
4	Bùi Long Tánh	054079006280	- Đại học Địa chất; - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường; - Chứng nhận hoàn thành khoá học Nghiệp vụ kiểm định và đánh giá chất lượng cọc trong công trình xây dựng.	
5	Phạm Bá Chánh	054083007285	- Đại học XD Cầu đường; - Chứng chỉ Quản lý phòng thí nghiệm; - Chứng chỉ thí nghiệm viên Đất đá xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm Bê tông và vật liệu XD; - Chứng chỉ thí nghiệm Nước ăn mòn bê tông; - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	
6	Ngô Đức Quốc Huy	056081004028	- Đại học Xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm viên Đất đá xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm Bê tông và vật liệu xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy; - Chứng chỉ thí nghiệm Nước ăn mòn bê tông; - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	
7	Lê Trung Nghĩa	054081014699	- Đại học VLXD; - Chứng nhận hoàn thành khoá học Kiểm soát nứt trong bê tông khối lớn;	

			- Chứng chỉ thí nghiệm Xác định chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy; - Chứng nhận hoàn thành khoá học Nghiệp vụ kiểm định và đánh giá chất lượng cọc trong công trình xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm Thép và liên kết hàn.	
8	Đào Văn Thời	054086012656	- Đại học QLDD; - Chứng chỉ thí nghiệm Xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường; - Chứng nhận hoàn thành khoá học Nghiệp vụ kiểm định và đánh giá chất lượng cọc trong công trình xây dựng.	
9	Đỗ Hữu Minh Trí	056092004798	- Đại học Xây dựng; - Chứng chỉ thí nghiệm viên Xây dựng CTGT.	
10	Phạm Hồng Công	054079010030	- Trung cấp Địa chất; - Chứng chỉ thí nghiệm viên Xây dựng CTGT.	
11	Phạm Ngọc Đăng Huy	056093004259	- Trung cấp XD; - Chứng chỉ thí nghiệm viên Xây dựng CTGT.	
12	Nguyễn Đình Kiên	056093005625	- Đại học Trắc địa	
13	Nguyễn Ngọc Luyến	054091001181	- Cao đẳng Kỹ thuật Trắc địa	
14	Lưu Khải Hoàn	056096013509	- Đại học Địa chất	
15	Trần Ngọc Phú	054079009368	- Đại học Địa chất	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; P7-TN.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
P. TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vương Anh Dũng